

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch
Ông Bùi Kỳ Phát	Phó chủ tịch
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên
Ông Võ Sỹ Đồng	Thành viên
Ông Nông Văn Quyết	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/04/2015)
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



[Handwritten signature]
Trương Quang Luyện
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2015

Số: 188/2015/AP - BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 34 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính bán niên 2015). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên 2015 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính bán niên 2015 dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính bán niên 2015 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được soát xét và kiểm toán bởi một Doanh nghiệp kiểm toán khác. Trên Báo cáo kiểm toán số 102/2015/UHY ACA-BCKT ngày 16/3/2015, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến số dự phòng phải thu khó đòi của đối tượng Hoàng Đình Thắng (đối tượng đã chiếm đoạt tài sản của Công ty bằng việc lập hồ sơ vay giả, hồ sơ vay không đúng mục đích thông qua các giao dịch tại ngân hàng) với tổng số tiền 84.871.423.319 đồng, trong đó 23.112.153.696 đồng là số trích lập từ nguồn các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế năm 2013 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và 61.759.269.623 đồng là số trích lập trên cơ sở tạm sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2014.

Ngày 18/4/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã ra Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án trích lập dự phòng phải thu khó đòi sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 61.759.269.623 đồng nêu trên. Ngày 30/6/2015, Hội đồng quản trị đã ra Quyết định số 09/2015/QĐ-HĐQT xác định khoản phải thu đối tượng Hoàng Đình Thắng số tiền 84.871.423.319 đồng là khoản nợ khó có khả năng thu hồi, đồng thời phê duyệt việc bù trừ khoản phải thu này với khoản dự phòng đã trích lập với số tiền tương ứng và tiếp tục theo dõi khoản nợ này là chỉ tiêu ngoại Bảng cân đối kế toán trong thời gian 10 năm tiếp theo. Các khoản tiền thu hồi được (nếu có), Công ty sẽ hạch toán vào thu nhập khác, đồng thời giảm số tiền đang phản ánh tại chỉ tiêu ngoại Bảng cân đối kế toán.



Vũ Bình Minh
Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 0034-2013-148-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 1687-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		214.587.573.557	198.566.577.908
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.063.684.253	8.143.980.520
1. Tiền	111	4	30.063.684.253	8.143.980.520
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.837.966.123	36.264.912.324
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	49.989.619.753	24.794.921.385
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.979.573.649	6.109.881.780
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	4.960.203.984	91.397.466.118
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.091.431.263)	(86.037.356.959)
IV. Hàng tồn kho	140	8	124.580.494.087	148.726.262.515
1. Hàng tồn kho	141		127.227.554.387	150.398.596.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.647.060.300)	(1.672.334.192)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		105.429.094	5.431.422.549
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.471.445.445
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	105.429.094	2.959.977.104
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		255.545.690.686	251.487.975.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.249.882.788	15.360.902.788
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	12.249.882.788	15.360.902.788
II. Tài sản cố định	220		79.191.721.528	72.285.999.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	71.669.921.945	64.706.074.694
- Nguyên giá	222		138.632.346.416	128.286.697.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.962.424.471)	(63.580.623.296)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	7.521.799.583	7.579.924.583
- Nguyên giá	228		8.314.234.750	8.314.234.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(792.435.167)	(734.310.167)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	28.566.042.370	25.021.066.743
- Nguyên giá	231		84.439.460.802	80.567.521.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(55.873.418.432)	(55.546.454.448)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		134.094.170.683	136.561.550.112
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	134.094.170.683	136.561.550.112
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.443.873.317	2.258.456.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.443.873.317	2.258.456.780
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		470.133.264.243	450.054.553.608

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

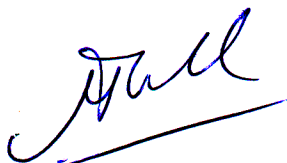
MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		369.705.825.806	351.441.851.979
I. Nợ ngắn hạn	310		167.564.665.512	146.435.121.061
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	65.486.467.308	48.757.784.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		391.307.092	37.323.586
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.825.501.366	3.134.340
4. Phải trả người lao động	314		7.214.097.423	6.481.992.568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	12.997.432.807	1.543.824.145
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	1.328.322.145	50.164.759
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.945.909.051	5.231.506.125
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	67.572.377.905	83.587.180.348
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.803.250.415	742.210.309
II. Nợ dài hạn	330		202.141.160.294	205.006.730.918
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	16	75.239.260.554	76.586.202.111
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	73.523.374.307	76.329.619.716
3. Phải trả dài hạn khác	337	18	53.378.525.433	52.090.909.091
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		100.427.438.437	98.612.701.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	100.327.438.437	98.512.701.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.900.411.071	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.806.130.187	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.285.671.724	22.177.476.174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.285.671.724	22.177.476.174
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		100.000.000	100.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		100.000.000	100.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		470.133.264.243	450.054.553.608

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc




Trương Quang Luyện

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

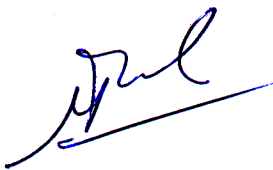
MẪU SỐ B02a- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	294.807.789.042	269.341.634.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	12.084.373.656	12.795.551.824
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		282.723.415.386	256.546.082.626
4. Giá vốn hàng bán	11	24	209.882.760.784	184.810.757.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.840.654.602	71.735.325.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		22.629.397	155.207.686
7. Chi phí tài chính	22	25	2.582.255.847	3.501.004.247
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	2.501.645.647	3.265.391.520
8. Chi phí bán hàng	25	26	42.847.793.615	47.633.907.176
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	9.525.605.259	6.589.666.772
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.907.629.278	14.165.955.101
11. Thu nhập khác	31	29	1.566.382.661	1.087.030.563
12. Chi phí khác	32		199.841.588	351.004.519
13. Lợi nhuận khác	40		1.366.541.073	736.026.044
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.274.170.351	14.901.981.145
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.988.498.627	3.342.072.216
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(63.636.364)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.285.671.724	11.623.545.293
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.593	1.971
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.593	1.971

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	232.731.555.450	271.496.778.194
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(143.807.435.984)	(155.871.418.631)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.103.228.477)	(17.390.954.295)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.621.746.398)	(3.437.464.553)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(10.419.149)	(1.749.879.053)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.720.818.220	25.745.244.322
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(21.815.182.885)	(61.749.333.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.094.360.777	57.042.972.447
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.330.719.875)	(34.787.868.598)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	705.282.729
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	454.719.293
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.860.974	155.207.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.308.858.901)	(33.472.658.890)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	149.031.049.971	128.767.574.582
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(165.045.852.414)	(172.783.206.117)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.850.995.700)	(2.795.497.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.865.798.143)	(46.811.129.031)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	21.919.703.733	(23.240.815.474)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.143.980.520	44.800.526.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	30.063.684.253	21.559.710.856

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà được thành lập theo Quyết định số 383CNn/TCLĐ ngày 29/04/1993 và Quyết định số 1014QĐ/TCLĐ ngày 28/07/1995 của Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công thương). Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 28/07/2005 của Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và thay đổi lần thứ 14 số 0100100216 ngày 02/07/2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 58.961.000.000 đồng, tương ứng với 5.896.100 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Từ ngày 25/05/2015, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 471 người (tại ngày 31/12/2014 là 430 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
-

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Hồ Chí Minh	Số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng	Số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Áp dụng chế độ kế toán mới

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính bán niên 2015 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị quản lý	04 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất phản ánh khoản tiền Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty không thực hiện trích khấu hao với quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị tòa nhà văn phòng Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại 25 Lý Thường Kiệt do Công ty xây dựng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá trị công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 44 năm.

Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng theo dự toán tương ứng với tỷ lệ diện tích đã đưa vào cho thuê trên tổng diện tích xây dựng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty đã thực hiện dự án xây dựng tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000052 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012. Theo Quyết định số 219/QĐ –GVN.HN ngày 23/6/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 472,267 tỷ đồng, trong đó mức đầu tư tương ứng với phần diện tích Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được phép sử dụng, khai thác là 241,426 tỷ đồng. Hiện tại, công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng và Công ty đang tiến hành các thủ tục để quyết toán công trình, dự kiến hoàn thành trong quý 4/2015.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê nhà, chi phí sửa chữa cải tạo phân xưởng và các chi phí khác.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Chi phí tiền thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phát sinh.

Chi phí cải tạo, sửa chữa tại phân xưởng được phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng

trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	216.478.643	479.751.379
Tiền gửi ngân hàng	29.847.205.610	7.664.229.141
Cộng	<u>30.063.684.253</u>	<u>8.143.980.520</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building	1.181.930.060	17.913.161.687
- Các khoản phải thu khách hàng khác	48.807.689.693	6.881.759.698
Cộng	<u>49.989.619.753</u>	<u>24.794.921.385</u>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	25.301.156	-

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	4.960.203.984	-	91.397.466.118	84.871.423.319
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	3.305.239.460	-	563.363.385	-
- Ký cược, ký quỹ	343.902.670	-	650.660.028	-
- Tạm ứng	1.031.697.330	-	340.060.561	-
- Cổ tức đã tạm ứng	-	-	4.716.880.000	-
- Phải thu khác	279.364.524	-	255.078.825	-
- Đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	-	84.871.423.319	84.871.423.319
Dài hạn	12.249.882.788	-	15.360.902.788	-
- Tổng công ty Giấy Việt Nam (*)	11.970.290.436	-	14.970.290.436	-
- Ký cược, ký quỹ	279.592.352	-	390.612.352	-
Cộng	<u>17.210.086.772</u>	-	<u>106.758.368.906</u>	<u>84.871.423.319</u>

(*): Khoản phải thu dài hạn Tổng công ty Giấy Việt Nam (“Tổng công ty”) liên quan đến Hợp đồng thuê văn phòng số 38/2013/HĐ-TVP ngày 08/6/2013 và Phụ lục III ngày 31/12/2014 của Hợp đồng số 38/2013/HĐ-TVP giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding. Theo Phụ lục hợp đồng này, Tổng công ty phải trả cho Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà giá trị xây dựng tạm tính cho phần diện tích của tòa nhà thuộc quyền sở hữu và khai thác của Tổng công ty. Khoản phải thu này được bù trừ với số tiền Công ty thu hộ Tổng công ty về tiền thuê văn phòng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

7. NỢ XẤU

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TM Quảng Cáo & Bao Bì Ngọc Phát	780.129.069	780.129.069	-	780.129.069
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (*)	1.223.067.602	611.533.802	611.533.800	1.223.067.602
Công ty TNHH Tuấn Phương	470.550.297	470.550.297	-	470.550.297
DNTN Vũ & Vy	229.218.095	229.218.095	-	229.218.095
Công ty TNHH Bao bì Vật phẩm VH-XD Minh Việt Long (***)	434.531.603	-	434.531.603	434.531.603
Đối tượng Hoàng Đình Thăng (**)	-	-	-	84.871.423.319
Cộng	3.137.496.666	2.091.431.263	1.046.065.403	88.008.919.985
				86.037.356.959
				1.971.563.026

(*) Tổng số công nợ phải thu của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (viết tắt là "A&T") theo bản án số 03/2015/KDTM-ST ngày 10/04/2015 của Tòa án Nhân dân quận 2 thành phố Hồ Chí Minh là 2.225.097.147 đồng, trong đó phí thuê mặt bằng và phí dịch vụ là 1.760.956.877 đồng (bao gồm số đã phát hành hóa đơn GTGT là 1.223.067.602 đồng, và số chưa phát hành hóa đơn là 537.889.275 đồng), và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 493.589.250 đồng. Hiện tại, Công ty A & T đang gửi đơn kháng cáo lên tòa án phúc thẩm. Công ty sẽ ghi nhận giá trị còn được thu hồi bổ sung (nếu có) vào thu nhập sau khi có kết luận của Tòa án phúc thẩm.

(**) Số dư phải thu đối tượng Hoàng Đình Thăng tại 01/01/2015 với số tiền 84.871.423.319 đồng là khoản bị đối tượng này chiếm đoạt bằng việc lập hồ sơ vay giả và hồ sơ vay không đúng mục đích thông qua các giao dịch tại ngân hàng. Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty đã trích lập dự phòng với tỉ lệ 100% số dư phải thu, trong đó trong đó có 23.112.153.696 đồng là số trích lập dự phòng từ nguồn là các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế năm 2013 được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-DHĐCĐ ngày 25/4/2014 và số tiền 61.759.269.623 đồng là số trích lập dự phòng trên cơ sở tạm sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2014. Đến ngày 18/04/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã ra Nghị quyết số 01/2015/NQ-DHĐCĐ thông qua phương án trích lập dự phòng phải thu sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 61.759.269.623 đồng nêu trên.

Ngày 30/06/2015, Hội đồng quản trị đã ra Quyết định số 09/2015/QĐ-HĐQT xác định khoản phải thu đối tượng Hoàng Đình Thăng số tiền 84.871.423.319 đồng là khoản nợ khó có khả năng thu hồi, đồng thời phê duyệt việc bù trừ khoản phải thu này với khoản dự phòng đã trích lập với số tiền tương ứng và tiếp tục theo dõi khoản nợ này là chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán trong thời gian 10 năm tiếp theo. Trong kỳ, tòa án đã chuyển trả Công ty số tiền 1.165.259.482 đồng từ việc đấu giá tài sản của đối tượng Hoàng Đình Thăng. Tại ngày 30/06/2015, số dư trên tài khoản ngoại bảng của khoản nợ đã xử lý này là 83.706.163.837 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(**): Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi toàn bộ số dư phải thu Công ty TNHH Bao bì Vật phẩm VH-XD Minh Việt Long.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.188.932.761	1.439.801.330	54.736.518.288	839.858.934
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	17.760.175.285	-	11.530.847.709	-
Thành phẩm	21.279.876.971	1.207.258.970	46.186.022.660	832.475.258
Hàng hoá	27.998.569.370	-	37.945.208.050	-
Cộng	127.227.554.387	2.647.060.300	150.398.596.707	1.672.334.192

(*) Giá trị nguyên vật liệu tồn tại các phân xưởng chưa đưa vào sản xuất là 5.729.043.080 đồng.

Trong kỳ, Công ty đã đánh giá lại giá trị thuần có thể thực hiện được đối với những loại hàng hóa và nguyên vật liệu chậm luân chuyển. Theo đó, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 974.726.108 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí thuê nhà	124.835.165	454.335.165
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho	406.388.785	473.249.037
Công cụ dụng cụ	909.457.367	1.188.972.003
Chi phí khác	3.192.000	141.900.575
Cộng	1.443.873.317	2.258.456.780

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	59.795.874.425	62.015.979.396	4.342.164.075	2.132.680.094	128.286.697.990
Mua trong kỳ	-	9.319.160.377	887.732.727	288.958.900	10.495.852.004
Đầu tư XDCB hoàn thành	349.796.422	-	-	-	349.796.422
Thanh lý, nhượng bán	-	(500.000.000)	-	-	(500.000.000)
Tại ngày 30/06/2015	60.145.670.847	70.835.139.773	5.229.896.802	2.421.638.994	138.632.346.416
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	22.389.466.598	35.989.180.078	3.695.149.397	1.506.827.223	63.580.623.296
Khấu hao trong kỳ	1.278.916.450	2.315.683.476	147.381.093	74.760.150	3.816.741.169
Thanh lý, nhượng bán	-	(434.939.994)	-	-	(434.939.994)
Tại ngày 30/06/2015	23.668.383.048	37.869.923.560	3.842.530.490	1.581.587.373	66.962.424.471
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	37.406.407.827	26.026.799.318	647.014.678	625.852.871	64.706.074.694
Tại ngày 30/06/2015	36.477.287.799	32.965.216.213	1.387.366.312	840.051.621	71.669.921.945

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 31.501.363.252 đồng (tại ngày 31/12/2014: 29.337.628.207 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
Tại ngày 30/06/2015	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	734.310.167	734.310.167
Khấu hao trong kỳ	-	58.125.000	58.125.000
Tại ngày 30/06/2015	-	792.435.167	792.435.167
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	6.708.372.500	871.552.083	7.579.924.583
Tại ngày 30/06/2015	6.708.372.500	813.427.083	7.521.799.583

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	80.567.521.191	80.567.521.191
Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.871.939.611	3.871.939.611
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2015	84.439.460.802	84.439.460.802
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	55.546.454.448	55.546.454.448
Khấu hao trong kỳ	326.963.984	326.963.984
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2015	55.873.418.432	55.873.418.432
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	25.021.066.743	25.021.066.743
Tại ngày 30/06/2015	28.566.042.370	28.566.042.370

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	134.009.751.683	136.547.963.112
- Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
- Mua sắm TSCĐ	70.832.000	-
Cộng	134.094.170.683	136.561.550.112

(*): Công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (viết tắt “ Thuận An Building”), chi tiết:

- Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008, Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác, kinh doanh tạm tính là 3.932 m² gồm diện tích sàn tầng 3, 4, 5, 6 (983m²/tầng). Sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, Thuận An Building được ký hợp đồng thuê văn phòng tương ứng phần diện tích đã góp vốn trong thời gian hoạt động còn lại của Công trình theo hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội.
- Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009, Thuận An Building đầu tư xây dựng 100% toàn phần diện tích tầng thêm từ 09 tầng lên 13 tầng của công trình dự án để được hưởng 50% toàn bộ diện tích tầng thêm nhằm sử dụng, quản lý, khai thác và kinh doanh.
- Trong quy định của các hợp đồng hợp tác nêu trên, quyền được thuê và sử dụng được chuyển giao cho Thuận An Building hoặc một bên khác do Thuận An Building chỉ định. Bên khác do Thuận An Building chỉ định tại các phụ lục hợp đồng hợp tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng theo dự toán tương ứng với tỷ lệ diện tích đã đưa vào cho thuê trên tổng diện tích xây dựng.

T.N.T...
C.N.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09a - DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	11.065.115.215	11.065.115.215	10.918.405.115	10.918.405.115
- Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây lắp CDS	5.422.331.400	5.422.331.400	5.422.331.400	5.422.331.400
- Công ty cổ phần xây dựng và chuyển giao công nghệ Việt Nam	4.475.448.700	4.475.448.700	5.975.448.700	5.975.448.700
- Chi nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	6.118.923.827	6.118.923.827	11.377.091.698	11.377.091.698
- Công ty Cổ phần Giấy và Bao bì Việt Thắng	10.383.045.763	10.383.045.763	738.221.614	738.221.614
- Phải trả cho các đối tượng khác	28.021.602.403	28.021.602.403	14.326.286.354	14.326.286.354
Cộng	65.486.467.308	65.486.467.308	48.757.784.881	48.757.784.881

Phải trả người bán là bên liên quan

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Chi Nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	6.118.923.827	6.118.923.827	11.377.091.698	11.377.091.698
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	2.075.259.954	2.075.259.954	1.183.822.352	1.183.822.352

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	6.027.507.901	5.475.791.065	551.716.836
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.631.548.560	2.631.548.560	-
Thuế Nhập khẩu	(139.252.148)	424.449.186	285.197.038	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.749.448.030)	3.998.917.776	10.419.149	1.239.050.597
Thuế Nhà thầu	-	91.537.746	91.537.746	-
Thuế Thu nhập cá nhân	(71.276.926)	148.111.827	115.544.061	(38.709.160)
Thuế đất	-	103.851.054	170.570.988	(66.719.934)
Tiền thuê đất	-	7.148.728.622	5.115.398.755	2.033.329.867
Các loại thuế, phí khác	3.134.340	323.367.776	325.098.050	1.404.066
Cộng	(2.956.842.764)	20.898.020.448	14.221.105.412	3.720.072.272

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	12.997.432.807	1.543.824.145
- Chi phí lãi vay và lãi nhận ký quỹ	83.944.582	226.861.533
- Chi phí khuyến mại	6.102.618.942	-
- Chi phí hội nghị khách hàng	2.000.000.000	-
- Chi phí thuê đất	1.440.502.679	1.316.962.612
- Chi phí quảng cáo	1.830.000.000	-
- Chi phí khác	1.540.366.604	-
Dài hạn	75.239.260.554	76.586.202.111
- Chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại 25 Lý Thường Kiệt (i)	75.239.260.554	76.586.202.111
Cộng	88.236.693.361	78.130.026.256

(i) Khoản chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của Dự án tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt tương ứng với phần diện tích sử dụng đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building thuê đến năm 2057 do Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê mặt bằng với Công ty này đến năm 2057 vào kết quả kinh doanh năm 2014.

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Doanh thu cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt	1.328.322.145	50.164.759
Cộng	1.328.322.145	50.164.759
Dài hạn		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	59.260.844.866	59.966.325.784
- Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình (ii)	9.608.555.568	9.608.555.568
- Công ty TNHH Bình Hạnh Đan (ii)	4.653.973.873	5.651.253.991
- Các công ty khác	-	1.103.484.373
Cộng	73.523.374.307	76.329.619.716

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt.

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ngày 06/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời gian thuê từ ngày 10/11/2013 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 1, 2 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 584m². Tổng tiền thuê cả kỳ là 61.612.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HĐ-TVP ngày 12/12/2013 với ông Nguyễn Phan Quang Bình và bà Ngô Thị Bích Hạnh – bên thuê ban đầu (ông Bình và bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2014 bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan thuê tại khu vực tầng 11 của tòa nhà. Theo đó, thời hạn thuê của bên thuê bổ sung - Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ 25/11/2013 đến 25/11/2017 (4 năm thuê đầu tiên) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 7.978.240.932 đồng và thời hạn thuê của bên thuê ban đầu - ông Bình và bà Hạnh là từ 26/11/2017 đến 08/07/2057 (thời gian thuê còn lại) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 9.608.555.568 đồng.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	10.565.058	25.865.448
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.708.736.083	5.205.640.677
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.226.607.910	-
Cộng	<u>6.945.909.051</u>	<u>5.231.506.125</u>
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.287.616.342	-
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (i)	49.090.909.091	49.090.909.091
Cộng	<u>53.378.525.433</u>	<u>52.090.909.091</u>

(i) Số dư phải trả Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building là số tiền góp vốn đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 13 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	67.572.377.905	67.572.377.905	149.031.049.971	165.045.852.414	83.587.180.348	83.587.180.348
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	50.704.280.052	50.704.280.052	114.682.417.801	116.077.638.880	52.099.501.131	52.099.501.131
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Long Biên	-	-	-	6.434.314.608	6.434.314.608	6.434.314.608
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (ii)	11.763.097.853	11.763.097.853	34.348.632.170	42.533.898.926	19.948.364.609	19.948.364.609
- Vay cá nhân (iii)	5.105.000.000	5.105.000.000	-	-	5.105.000.000	5.105.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	67.572.377.905	67.572.377.905	149.031.049.971	165.045.852.414	83.587.180.348	83.587.180.348

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/04/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 02/07/2014 với hạn mức cho vay là 70 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn rút vốn từ ngày 02/07/2014 đến hết ngày 31/12/2014 và được gia hạn đến ngày 30/06/2015 theo phụ lục hợp đồng số 01 - 01/04/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 27/12/2014. Lãi suất vay từ 6,2%- 6,8% và thời hạn vay được quy định trong giấy nhận nợ nhưng tới đa không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 672 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 651.14.053.938704 ngày 23/06/2014 với tổng số tiền cam kết được cấp tối đa tại mọi thời điểm là 30 tỷ đồng. Mục đích vay vốn nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn giải ngân từ ngày 23/06/2014 đến hết 31/05/2015. Lãi suất từ 6,2% - 6,8% và thời hạn vay được quy định trong giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

(iii) Khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn vay không xác định cụ thể, lãi suất vay áp dụng theo thông báo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09a - DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	58.961.000.000	17.374.225.455	12.657.465.867	5.104.122.710	3.806.130.187	12.197.994.369	110.100.938.588							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	83.936.745.797	83.936.745.797							
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.433.760.000)	(9.433.760.000)							
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(1.219.799.437)	(1.219.799.437)							
Giảm khác	-	-	(12.657.465.867)	(5.104.122.710)	(3.806.130.187)	(63.303.704.555)	(84.871.423.319)							
Tại ngày 01/01/2015	58.961.000.000	17.374.225.455	-	-	-	22.177.476.174	98.512.701.629							
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-							
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	15.285.671.724	15.285.671.724							
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	4.900.411.071	-	3.806.130.187	(22.177.476.174)	(13.470.934.916)							
Tại ngày 30/06/2015	58.961.000.000	17.374.225.455	4.900.411.071	-	3.806.130.187	15.285.671.724	100.327.438.437							

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-DHĐCĐ ngày 18/04/2015 của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức với số tiền là 11.792.200.000 đồng, đồng thời trích lập các quỹ như sau: Quỹ đầu tư phát triển: 4.900.411.071 đồng; Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 3.806.130.187 đồng; Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.678.734.916 đồng.

Bên cạnh đó, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2014 để bù đắp tổn thất cho khoản chiếm đoạt bởi đối tượng Hoàng Đình Thắng với số tiền là 61.759.269.623 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	41,55%	24.500.850.000	24.500.850.000
Vốn góp của các cổ đông khác	58,45%	34.460.150.000	34.460.150.000
Cộng	100%	58.961.000.000	58.961.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia cổ tức và phân phối lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	58.961.000.000	58.961.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	58.961.000.000	58.961.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.792.200.000	9.433.760.000

Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
- Hoàng Đình Thắng	83.706.163.837	-
Ngoại tệ		
- USD	1.104,00	1.110,45

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu bán hàng	283.133.096.480	259.600.252.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.674.692.562	9.741.381.840
Cộng	294.807.789.042	269.341.634.450

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	69.376.412	64.162.800
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	10.758.729	30.798.110

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	12.005.201.976	10.425.454.174
Hàng bán bị trả lại	79.171.680	2.370.097.650
Cộng	<u>12.084.373.656</u>	<u>12.795.551.824</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	78.320.512.233	57.314.518.398
Giá vốn của thành phẩm đã bán	126.475.611.425	124.584.759.510
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.111.911.018	2.911.479.108
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	974.726.108	-
Cộng	<u>209.882.760.784</u>	<u>184.810.757.016</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.501.645.647	3.265.391.520
Chi phí tài chính khác	80.610.200	235.612.727
Cộng	<u>2.582.255.847</u>	<u>3.501.004.247</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	6.243.887.211	4.878.002.987
Chi phí khấu hao TSCĐ	498.527.996	534.256.248
Chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng	6.402.000.359	3.830.402.355
Chi phí khuyến mại	19.023.697.840	28.317.827.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.442.456.292	5.422.343.522
Chi phí khác	6.237.223.917	4.651.074.368
Cộng	<u>42.847.793.615</u>	<u>47.633.907.176</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.574.958.776	2.474.432.219
Chi phí khấu hao TSCĐ	440.955.583	445.283.388
Dự phòng phải thu khó đòi	925.497.623	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	860.546.865	951.714.260
Chi phí bằng tiền khác	3.723.646.412	2.718.236.905
Cộng	9.525.605.259	6.589.666.772

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.998.334.556	94.677.856.396
Chi phí nhân công	17.879.185.165	16.281.627.229
Chi phí khấu hao	4.201.830.153	3.958.284.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.350.580.451	12.550.579.331
Chi phí khác bằng tiền	39.980.995.053	44.602.633.314
Cộng	210.410.925.378	172.070.980.321

29. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lãi thanh lý TSCĐ	84.939.994	705.282.729
Tiền thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	1.165.259.482	-
Các khoản khác	316.183.185	381.747.834
Cộng	1.566.382.661	1.087.030.563

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.274.170.351	14.901.981.145
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	58.989.979	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.203.621.117	-
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	18.129.539.213	14.901.981.145
Thuế suất	22%	22%
Thu nhập từ nhận tiền góp vốn hợp tác đầu tư	-	6.363.636.364
Thuế suất		1%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.988.498.627	3.342.072.216

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.285.671.724	11.623.545.293
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.285.671.724	11.623.545.293
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.896.100	5.896.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.593	1.971

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Giấy Việt Nam
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

Cổ đông nắm giữ 41,55% vốn điều lệ
Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty
Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh đã nêu trên của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan sau:

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Mua hàng		
Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	16.932.022.040	18.242.922.232
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	1.797.920.570	1.313.359.950
Thu nhập của Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám đốc	835.036.515	682.321.868

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Giấy Việt Nam		
Phải thu khách hàng	25.301.156	-
Phải thu khác		
<i>Tiền thuê đất (ngắn hạn)</i>	<i>3.305.239.460</i>	<i>563.363.385</i>
<i>Tiền xây dựng tạm tính tại 25 Lý Thường Kiệt (dài hạn)</i>	<i>11.970.290.436</i>	<i>14.970.290.436</i>
Phải trả khác	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	6.118.923.827	11.377.091.698
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	2.075.259.954	1.183.822.352

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.063.684.253	8.143.980.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	65.108.275.262	45.515.933.332
Tài sản tài chính khác	-	-
Cộng	95.171.959.515	53.659.913.852
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	67.572.377.905	83.587.180.348
Phải trả người bán và phải trả khác	125.800.336.734	106.054.334.649
Chi phí phải trả	88.236.693.361	78.130.026.256
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	281.609.408.000	267.771.541.253

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2015 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	794.175.801	24.045.120	23.741.421
Euro (EUR)	268.880.869	-	-	-

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/6/2015.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2015 là 2.091.431.263 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 86.037.356.959 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2015			
Các khoản vay	67.572.377.905	-	67.572.377.905
Phải trả người bán và phải trả khác	72.421.811.301	53.378.525.433	125.800.336.734
Chi phí phải trả	12.997.432.807	75.239.260.554	88.236.693.361
Công nợ tài chính khác	-	-	-
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	83.587.180.348	-	83.587.180.348
Phải trả người bán và phải trả khác	53.963.425.558	52.090.909.091	106.054.334.649
Chi phí phải trả	1.543.824.145	76.586.202.111	78.130.026.256
Công nợ tài chính khác	-	-	-

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.063.684.253	-	30.063.684.253
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.858.392.474	12.249.882.788	65.108.275.262
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.143.980.520	-	8.143.980.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.155.030.544	15.360.902.788	45.515.933.332
Tài sản tài chính khác	-	-	-

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 08/07/2015, Tổng công ty Giấy Việt Nam, cổ đông nắm giữ 41,55% vốn điều lệ đã chào bán thành công toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015 được phân loại lại từ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 nhằm đảm bảo có thể so sánh và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

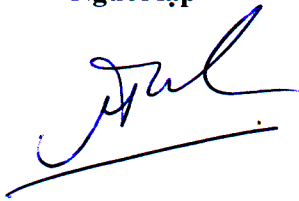
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bảng Cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2015	31/12/2014	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Phải thu ngắn hạn khác	136	91.397.466.118	90.406.745.529	990.720.589
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	990.720.589	(990.720.589)
Phải thu dài hạn khác	216	15.360.902.788	14.970.290.436	390.612.352
Tài sản dài hạn khác	268	-	390.612.352	(390.612.352)
Cộng		106.758.368.906	106.758.368.906	-
NỢ PHẢI TRẢ				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	50.164.759	-	50.164.759
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	76.329.619.716	76.379.784.475	(50.164.759)
Cộng		133.702.199.691	133.702.199.691	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2015

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

H. H. H.